

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI**  
(Theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT)

Thời gian: Hôm nay vào lúc 14 h 20 ngày 15/05/2023

Địa điểm: Tại trường Mầm non xã Thanh Luông

Thành phần tham dự:

- |                          |                                     |
|--------------------------|-------------------------------------|
| Bà : Cao Thị Thời        | - Hiệu trưởng.                      |
| Bà: Trần Thị Thuý Hằng   | - Phó hiệu trưởng                   |
| Bà: Nguyễn Thị Đào Thắm  | - CTCD- PHT                         |
| Bà: Đặng Thị Lan         | - TTCM MG Lớn                       |
| Bà : Lê Thị Hoa          | - TTCM MG nhỏ                       |
| Bà: Vũ Thị Tuyết Lê      | - TTCM MG Bé                        |
| Bà: Cao Thị Trà Vinh     | - Tổ trưởng Nhà trẻ                 |
| Bà: Hoàng Thị Thanh Loan | - Tổ Văn Phòng – Kế toán            |
| Bà : Dương Thị Tầm       | - Thư ký                            |
| Ông: Lò Văn Hom          | - Đại diện HCMHS năm học 2022-2023. |

**NỘI DUNG:**

Trường Mầm non xã Thanh Luông đã tiến hành niêm yết Ba công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT.

**Nội dung niêm yết:**

Công khai Thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 1 năm 2023

Quyết định về việc công bố công khai thực hiện quyết toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2022 của trường mầm non xã Thanh Luông.

Thời gian niêm yết 15/05/2023

Địa điểm công khai: Bảng tin và trang Wwbsite của trường.

Thời gian kết thúc: 30/05/2023

Người niêm yết

Hoàng Thị Thanh Loan  
Người chứng kiến

Nguyễn Thị Đào Thắm

Hiệu trưởng

Cao Thị Thời  
Đại diện HCMHS

Lò Văn Hom

Thư ký

Dương Thị Tầm

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường MN xã Thanh Luông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TL....., ngày M. tháng M. Năm 2023

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị

dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ

Trường MN xã Thanh Luông công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 như sau:

*DV tính: Triệu đồng*

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>				
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>				
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>				
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>6.120,50</b>	<b>1.412,0</b>	<b>23,24%</b>	<b>102%</b>
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>6.120,50</b>	<b>1.412,0</b>	<b>23,24%</b>	<b>102%</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I nay so cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>6.120,50</b>	<b>1.412,0</b>	<b>23,24%</b>	<b>93,5%</b>
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	<b>6.074,92</b>	<b>1.411,96</b>	<b>23,24%</b>	<b>93,5%</b>
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	<b>45,58</b>			
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				

T	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày tháng năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



**Cao Thị Thời**

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG MN XÃ THANH LƯƠNG

Số: 44/QĐ-MNTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 15 tháng 5 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

#### Về việc công bố công khai thực hiện quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Trường MN xã Thanh Lương Huyện Điện Biên

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông báo xét duyệt (thẩm định) quyết toán ngân sách năm 2022, ngày 10/05/2023 của Phòng Giáo dục và đào tạo Huyện Điện Biên đối với trường MN xã Thanh Lương.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Trường MN xã Thanh Lương.

(Có biểu chi tiết kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Ban giám hiệu nhà trường, bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Phòng GD Huyện Điện Biên;
- Như Điều 3;
- Lưu :VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đơn vị: Trường MN xã Thanh Lương

Chương: 622

### QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số ~~41~~<sup>4</sup>/QĐ-MNTL ngày 15/05/2023  
của Hiệu trưởng Trường MN xã Thanh Lương)

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
<b>A</b>	<b>Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>			
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí ...			
	Phí ...			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại</b>			
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>			
<b>1</b>	<b>Lệ phí</b>			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí ...			
	Phí ...			
<b>B</b>	<b>Quyết toán chi ngân sách nhà nước</b>			
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục</b>	<b>5.909,385</b>	<b>5.909,385</b>	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.820,191	5.820,191	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	89,194	89,194	-
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
5.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			



Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>			
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			